

Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo

Biểu báo cáo thống kê năm học 2015 - 2016

Đơn vị báo cáo: Tr.CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

Địa chỉ: Số 390 Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Họ và tên hiệu trưởng: Phạm Hữu Lộc giới tính: Nam ☒ nữ ☐

Họ và tên cán bộ thống kê tổng hợp: Trần Thị Ánh Phượng

Điện thoại liên hệ công tác thống kê: 08 38440567 Fax: 08 38118676 Email: phongtochuc@lttc.edu.vn Website: http://lttc.edu.vn

Loại hình trường: công lập ☒ Dân lập ☐ Tư thục ☐

Đơn vị nhận: VỤ KẾ HOẠCH-TÀI CHÍNH, BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Bộ/ngành chủ quản (đơn vị trường trực thuộc)

Sở Giáo dục và Đào tạo (đơn vị trường trực thuộc tỉnh)

Thời gian nhận báo cáo: ngày 31 tháng 12 hàng năm

Biểu số : 01 - CĐ

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDĐT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Thống kê tuyển mới

năm 2015

Đơn vị báo cáo

Tr.CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

	Chỉ tiêu tuyển mới	Tổng số HS,SV đã tuyển vào trường	Trong đó			Ghi chú
			Nữ	Dân tộc ít người		
				Tổng số	Trong đó Nữ	
A		1	2	3	4	5
I- Cao Đẳng	2500	2247	166	56	7	
1. Hệ chính quy	2125	2247	166	56	7	
2. Vừa làm vừa học						
3. Đào tạo liên thông:	375	0	0	0	0	
Chia ra: - Liên thông chính quy	375					
- Liên thông VLVH						
II-Trung cấp chuyên nghiệp	800	422	17	2	0	
1. Hệ chính quy	800	422	17	2	0	
2. Vừa làm vừa học						
III- Dạy nghề	1390	1978	75	1	0	
1. Cao đẳng nghề	730	87	12	0	0	
2. Trung cấp nghề	660	509	62	0	0	
3. Sơ cấp nghề		1382	1	1		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Ánh Phương

Hiệu trưởng



* Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 02- CĐ

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDĐT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Số sinh viên, học sinh đang học
tất cả các hệ

Năm học 2015 - 2016

Đơn vị báo cáo

Tr.CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

	Tổng số SV, HS đang học	Trong đó			Ghi chú
		Nữ	Dân tộc ít người		
			Tổng số	Trong đó Nữ	
A	1	2	3	4	5
I- Cao Đẳng	4062	287	66	5	
1. Hệ chính quy	4062	287	66	5	
2. Vừa làm vừa học	0	0	0	0	
3. Đào tạo liên thông	0	0	0	0	
Chia ra: - Liên thông chính quy	0	0	0	0	
- Liên thông VLVH	0	0	0	0	
II-Trung cấp chuyên nghiệp	641	40	5	1	
1. Hệ chính quy	641	40	5	1	
2. Vừa làm vừa học	0	0	0	0	
III- Dạy nghề	1977	98	1	0	
1. Cao đẳng nghề	86	11	0	0	
2. Trung cấp nghề	509	86	0	0	
3. Sơ cấp nghề	1382	1	1	0	

Người lập biểu

AnhPhuon

Trần Thị Ánh Phương

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 02A- CĐ

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDĐT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

số sinh viên, học sinh đang học
chia theo tuổi
Năm học 2015 - 2016

Đơn vị báo cáo

Tr.CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

	Tổng số SV, HS đang học	Chia theo độ tuổi									Ghi chú
		17	18	19	20	21	22	23	24	25+	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I- Cao Đẳng	4062	0	1607	1008	979	313	105	25	13	12	
1. Hệ chính quy	4062	0	1607	1008	979	313	105	25	13	12	
2. Vừa làm vừa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3. Đào tạo liên thông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chia ra: - Liên thông chính quy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
- Liên thông VLVH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II-Trung cấp chuyên nghiệp	641	133	140	160	91	55	28	23	6	5	
1. Hệ chính quy	641	133	140	160	91	55	28	23	6	5	
2. Vừa làm vừa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Lâm



Hiệu trưởng

Phạm Hữu Lộc

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Hệ chính qui

Tr.ĐĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

[illegible]

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Vừa làm vừa học

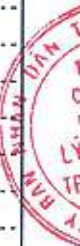
Tr.CĐ Kỹ thuật Lý TỰ Trọng TP HCM

[illegible]

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Đào tạo liên thông

Tr.CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

[illegible]

[illegible]

0

* Trường không đào tạo hệ này nên không có số liệu thống kê báo cáo

Ngày 31... tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Ký tên

Umm

Nguyễn Thanh Lâm

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 02.1- TCCN

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDDT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

HỌC SINH ĐANG HỌC CHIA THEO NGÀNH ĐÀO TẠO

Năm học 2015 - 2016

Trung cấp chuyên nghiệp

Hệ chính quy

Đơn vị báo cáo

Tr.CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

	Mã số (1)	Tổng số sinh viên	Trong đó			Tổng số sinh viên chia theo năm đào tạo				Ghi chú
			Nữ	Dân tộc ít người		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	
				Tổng số	Tr.đó: Nữ					
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số		641	40	5	1	422	219	0	0	
Phân theo ngành đào tạo	x	x	x	x	x	x	x	x	x	(1) Ghi theo tên tuyển sinh và mã số ngành theo
1.Ngành Điện công nghiệp và Dân dụng	42510308	150	0	0	0	113	37	0	0	(Thông tư số 34/2011/TT-BGDĐT ngày 11/8/2011)
2.Ngành Điện tử công nghiệp	42510315	8	0	0	0	0	8	0	0	* Tổng số: kể cả đào tạo tại trường, liên kết đào tạo với nơi khác nhưng trường cấp bằng, đào tạo theo địa chỉ
3.Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt	42510219	85	0	0	0	54	31	0	0	
4.Ngành Cơ khí chế tạo	42510204	83	0	3	0	45	38	0	0	
5.Ngành Bảo trì và sửa chữa ô tô	42510225	184	0	1	0	126	58	0	0	
6.Ngành Công nghệ may và thời trang	42540205	38	34	1	1	11	27	0	0	
7.Ngành Lập trình	42480203	0	0	0	0	0	0	0	0	
8.Ngành Quản trị mạng máy tính	42480202	93	6	0	0	73	20	0	0	
9.Ngành		0								
10.Ngành		0								

Người lập biểu

Ký tên



Nguyễn Thanh Lâm

Ngày 31... Tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 02.2-TCCN

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDĐT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

HỌC SINH ĐANG HỌC CHIA THEO NGÀNH ĐÀO TẠO

Năm học 2015 - 2016

Trung cấp chuyên nghiệp

Vừa làm vừa học

Đơn vị báo cáo

Tr.CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

Trường không đào tạo hệ này nên không có số liệu báo cáo.

	Mã số (1)	Tổng số sinh viên	Trong đó			Tổng số sinh viên chia theo năm đào tạo				Ghi chú
			Nữ	Dân tộc ít người		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	
				Tổng số	Tr.đó: Nữ					
Λ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	
I-Đào tạo tại trường		0	0	0	0	0	0	0	0	(1) Ghi theo tên tuyển sinh và mã số ngành theo (Thông tư số 34/2011/TT-BGDĐT ngày 11/8/2011)
Phân theo ngành đào tạo	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1.Ngành		0								
2.Ngành		0								
3.Ngành		0								
4.Ngành		0								
5.Ngành		0								
6.Ngành		0								
II-Liên kết đào tạo		0	0	0	0	0	0	0	0	* Tổng số: kể cả đào tạo tại trường, liên kết với nơi khác nhưng trường cấp bằng
1.Ngành		0								
2.Ngành		0								
3.Ngành		0								
4.Ngành		0								
5.Ngành		0								
6.Ngành		0								

Ngày 31... Tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Ký tên



Nguyễn Thanh Lâm

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 02.3- DN

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDDT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

HỌC SINH ĐANG HỌC CHIA THEO NGÀNH ĐÀO TẠO

Năm học 2015 - 2016

Dạy nghề

Đơn vị báo cáo

Tr.CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

	Mã số (1)	Tổng số sinh viên	Trong đó		Tổng số sinh viên chia theo năm đào tạo				Ghi chú	
			Nữ	Dân tộc ít người	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4		
				Tổng số						Tr.đó: Nữ
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số		1891	68	0	0	1891	0	0	0	
I- Trung cấp nghề		509	68	0	0	509	0	0	0	
Phân theo ngành đào tạo	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1.Ngành Điện tử công nghiệp	401	44	0	0	0	44	0	0	0	
2.Ngành Điện công nghiệp	403	49	0	0	0	49	0	0	0	
3.Ngành Lắp đặt thiết bị lạnh	407	52	0	0	0	52	0	0	0	
4.Ngành Cắt gọt kim loại	409	53	0	0	0	53	0	0	0	
5.Ngành Công nghệ Ô tô	413	113	0	0	0	113	0	0	0	
6.Ngành Quản trị mạng máy tính	418	127	14	0	0	127	0	0	0	
7.Ngành May - Thời trang	420	29	24	0	0	29	0	0	0	
8.Ngành Kế toán doanh nghiệp	423	42	30	0	0	42	0	0	0	
II- Dạy nghề ngắn hạn (dưới 12 tháng)		1382	0	0	0	1382	0	0	0	Không ghi số liệu vào ô đánh dấu (x)
Phân theo ngành đào tạo		0								
1.Ngành Điện - Điện tử		143				143				
2.Ngành Cơ khí		129				129				
3.Ngành Sửa chữa ô tô		11				11				
4.Ngành CNTT		1099				1099				
		0								

Người lập biểu

Trần Thị Ánh Phượng

Trần Thị Ánh Phượng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng



*Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 02.4- HSPT

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDĐT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

HỌC SINH ĐANG HỌC CHIA THEO NĂM

Năm học 2015 - 2016

Học sinh phổ thông chuyên, năng khiếu

Học sinh phổ thông dân tộc nội trú

Đơn vị báo cáo

Tr.CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

Trường không đào tạo hệ này nên không có số liệu báo cáo.

	Tổng số học sinh	Trong đó			Tổng số học sinh chia theo năm học			Ghi chú
		Nữ	Dân tộc ít người		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
			Tổng số	Tr.đó:Nữ				
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I- Học sinh dự bị	0	0	0	0				
Tổng số					x	x	x	Không ghi số liệu vào ô đánh dấu (x)
II- Học sinh PT chuyên, năng khiếu	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng số								
III- Học sinh PT dân tộc nội trú	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng số								

Người lập biểu

Ký tên

Nguyễn Thanh Lâm

Ngày 31... Tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 03.3- CD

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDĐT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI ĐANG HỌC

Năm học 2015 - 2016

Cao Đẳng

Đơn vị báo cáo:

Tr.CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

Trường không có sinh viên nước ngoài nên không có số liệu báo cáo.

	Mã số (1)	Tổng số sinh viên	Trong đó Nữ	Tổng số sinh viên chia theo năm đào tạo						Ghi chú
				Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số										
I - Sinh viên nước (2)										(1) Ghi theo tên tuyển sinh và mã số ngành (theo TT số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010)
										(2) Ghi rõ tên nước có sinh viên người nước ngoài đang học
II - Sinh viên nước (2)										

Người lập biểu

Ký tên

Nguyễn Thanh Lâm

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 04.2-CD

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDDT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Số sinh viên tốt nghiệp

Năm 2015

Cao Đẳng

Đơn vị báo cáo:

Trường CDKT Lý Tự Trọng TP. HCM

A. Số lượng sinh viên tốt nghiệp

	Số sinh viên dự thi	Sinh viên tốt nghiệp									Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			Phân loại tốt nghiệp					
			Nữ	Dân tộc ít người		Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Loại trung bình khá	Loại trung bình	
				Tổng số	Trong đó Nữ						
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I- Tốt nghiệp năm báo cáo: T.Số	624	445	27	12	0	0	7	79	325	34	Số sinh viên dự thi bao gồm cả số SV làm luận văn tốt nghiệp, số SV tốt nghiệp kể cả đào tạo tại trường, liên kết với nơi khác nhưng trường cấp bằng, đào tạo theo địa chỉ
1. Hệ chính quy	624	445	27	12			7	79	325	34	
2. Vừa làm vừa học											
3. Đào tạo liên thông											
Hình thức chính quy											
Hình thức vừa làm vừa học											
II- SV năm trước về thi lại: T.Số	256	249	5	1	0	0	0	5	157	87	
1. Hệ chính quy	253	244	5	1				5	156	83	
2. Vừa làm vừa học											
3. Đào tạo liên thông	3	5							1	4	
Hình thức chính quy											
Hình thức vừa làm vừa học											

Người lập biểu

Nguyễn Văn Tấn

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 04.2.1-CĐ

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDĐT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Số sinh viên tốt nghiệp

Năm 2015

Cao Đẳng

Đơn vị báo cáo:

Trường CDKT Lý Tự Trọng TP. HCM

B. Sinh viên tốt nghiệp Hệ chính quy chia theo ngành đào tạo

	số	Số sinh viên dự thi	Sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy									Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Phân loại tốt nghiệp						
				Nữ	Dân tộc ít người	Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Loại trung bình khá	Loại trung bình		
					Tổng số						Trong đó Nữ	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
RowTitle	Mã Np	C525	C526	C13	C14	C15	C527	C528	C529	C530	C531	
I-Tốt nghiệp năm báo cáo: T.Số		624	445	27	12	0	0	7	79	325	34	
Phân theo ngành đào tạo:	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	(1) Ghi theo tên tuyển sinh và mã số ngành (theo TT số 34/2011/TT-BGDĐT ngày 11/8/2011)
Công nghệ Kỹ thuật Điện		120	82						8	68	6	
Công nghệ Kỹ thuật Điện tử		99	70		1			1	11	53	5	
Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt		63	50						5	43	2	
Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí		128	94		3				12	72	10	
Công nghệ Kỹ thuật Ô tô		80	52		2				12	39	1	
Công nghệ Thông tin - Công nghệ phần Mềm		50	35	1	5			1	7	22	5	
Công nghệ Thông tin - Mạng máy tính		58	37	5	1				8	24	5	
Công nghệ May		26	25	21				5	16	4		
RowTitle	Mã Np	C525	C526	C13	C14	C15	C527	C528	C529	C530	C531	
II- SV năm trước về thi lại: T.Số		256	249	5	1	0	0	0	5	157	87	
Phân theo ngành đào tạo:	x	x	0	x	x	x	x	x	x	x	x	
Công nghệ Kỹ thuật Điện		14	48							26	22	
Công nghệ Kỹ thuật Điện tử		48	25						1	17	7	
Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt		77	51						2	41	8	
Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí		25	26						1	13	12	
Công nghệ Kỹ thuật Ô tô		10	34		1					24	10	
Công nghệ Thông tin - Công nghệ phần Mềm		66	42	1					1	25	16	
Công nghệ Thông tin - Mạng máy tính		15	19							7	12	
Công nghệ May		1	4	4						4		

Người lập biểu



Nguyễn Văn Tấn

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 04.3-TCCN, DN

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDĐT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Số học sinh tốt nghiệp

Năm 2015

Trung cấp chuyên nghiệp, Dạy nghề

Đơn vị báo cáo:

Trường CDKT Lý Tự Trọng TP. HCM

	Số học sinh dự thi	Học sinh tốt nghiệp hệ chính quy									Ghi chú
		Tổng số	Tổng số			Phân loại tốt nghiệp					
			Nữ	Dân tộc		Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Loại trung bình khá	Loại trung bình	
				Tổng số	Trong đó Nữ						
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I-Trung cấp chuyên nghiệp	222	204	23	5	1	0	7	64	70	63	Số HS tốt nghiệp kể cả đào tạo tại trường, liên kết với nơi khác nhưng trường cấp bằng, đào tạo theo địa chỉ Không ghi số liệu vào ô đánh dấu (x)
1. Hệ chính quy	222	204	23	5	1		7	64	70	63	
2. Hệ vừa làm vừa học											
II- Dạy nghề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1. Cao đẳng nghề											
2. Trung cấp nghề											

Người lập biểu



Nguyễn Văn Tấn

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 05.1A- ĐHCĐ

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDDT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Số cán bộ, giảng viên, nhân viên
Năm học 2015 - 2016

Đơn vị báo cáo:

Tr.ĐK Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

Ngày nhận báo cáo: 31/12		Tổng số	Trong đó						Chia theo trình độ đào tạo												
			Nữ	Dân tộc		Học hàm (1)				TSKH và Tiên sĩ	Tr.đó : Nữ	Thạc sĩ	Tr.đó : Nữ	CK Y cấp III	Tr.đó : Nữ	Đại học	Tr.đó : Nữ	Cao đẳng	Tr.đó : Nữ	Khác	Tr.đó : Nữ
				Tổng số	Tr.đó: Nữ	Giáo sư	Tr.đó : Nữ	Phó giáo sư	Tr.đó : Nữ												
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I- Cán bộ, nhân viên:		159	81	0	0	0	0	0	0	3	0	21	6	1	1	60	36	20	6	54	32
1- Cán bộ quản lý		4	0							2		2									
Trong đó: Kiêm nhiệm giảng dạy		4	0							2		2									
2- Cán bộ hành chính, nghiệp vụ, phục vụ (không bao gồm giảng viên)		139	65							1		19	6	1	1	60	36	20	6	38	16
Trong đó: Kiêm nhiệm giảng dạy		21	6							1		12	3			8	3				
3- Nhân viên phục vụ		16	16																	16	16
II- Giáo viên cơ hữu (2)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng số:		216	95							3		102	48			111	47				
III-Giảng viên thỉnh giảng		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng số:		8	3									2	2			6	1				
IV-Danh hiệu :		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Nhà giáo nhân dân		0	0																		
- Nhà giáo ưu tú		1	0							1											

*Ghi chú: (1) Đối với cán bộ, giảng viên có học hàm thì phải ghi cả 2 cột: Học hàm và trình độ đào tạo TSKH và tiên sĩ

(2) Giáo viên cơ hữu: không tính hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Không nhập vào dòng có công thức và dòng đánh dấu (x)

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hà

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 05.2- ĐHCĐ

Ban hành theo Quyết định

số 3363/QĐ-BGDĐT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Số giảng viên chia theo khoa, tổ bộ môn

Năm học 2015 - 2016

Đơn vị báo cáo:

Tr. CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

	Tổng số	Trong đó			Chia theo trình độ đào tạo							
		Dân tộc ít người			Giáo sư	Phó giáo sư	TSKH và Tiến sĩ	Thạc sĩ	Chuyên khoa Y cấp I và II	Đại học	Cao đẳng	Khác
		Nữ	Tổng số	Trong đó: Nữ								
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tổng số	216	97	0	0	0	0	3	102	0	111	0	0
Chia ra:												
1.Khoa CN Cơ khí	24	7						10		14		
2.Khoa CN Điện - Điện tử	32	9					1	20		11		
3.Khoa CN Động lực	19						1	9		9		
4.Khoa Công nghệ thông tin	28	9						11		17		
5.Khoa CN May - Thời trang	8	7						2		6		
6.Khoa CN Nhiệt lạnh	10							4		6		
7.Khoa Kinh tế	12	9					1	8		3		
8.Khoa Lý luận chính trị	20	16						11		9		
9.Khoa Khoa học cơ bản	63	40						27		36		
Trong đó bộ môn Tiếng Anh	16	13						6		10		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hà

Hiệu trưởng



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 06- ĐHCĐ

Ban hành theo Quyết định

số 5363/QĐ-BGDĐT

ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Cơ sở vật chất**Đơn vị báo cáo:**

của trường

Tr.ĐH Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM

Năm học 2015 - 2016

	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó: làm mới trong năm	Tổng số chia ra		
				Kiên cố	Bán kiên cố (cấp 4)	Nhà tạm
A	1	2	3	4	5	6
I - Đất đai nhà trường quản lý sử dụng						
Diện tích đất đai (Tổng số)	ha	5.06466	x	x	x	x
II - Diện tích sàn xây dựng (Tổng số)	m2	26.623				
Trong đó:						
1- Hội trường/giảng đường/phòng học: Diện tích	m2	7661.7				
Số phòng học	phòng	101				
Trong đó:						
1.1 - Phòng máy tính	m2	1256.7				
Số phòng	phòng	19				
1.2 - Phòng học ngoại ngữ	m2	68				
Số phòng	phòng	1				
1.3 - Phòng nhạc, họa	m2	0				
Số phòng	phòng					
2. Thư viện/Trung tâm học liệu: Diện tích	m2	608				
Số phòng	phòng	1				
3-Phòng thí nghiệm: Diện tích	m2	772				
Số phòng	phòng	8				
4- Xưởng thực tập, thực hành: Diện tích	m2	6611.7				
Số phòng	phòng	60				
5- Nhà tập đa năng: Diện tích	m2	0				
Số phòng	phòng					
6- Nhà ở học sinh (ký túc xá): Diện tích	m2	993				
Số phòng	phòng	12				
7-Diện tích khác						
- Bể bơi : Diện tích	m2	0				
-Sân vận động: Diện tích	m2	8700				

Người lập biểu



Lê Quang Liêm

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng



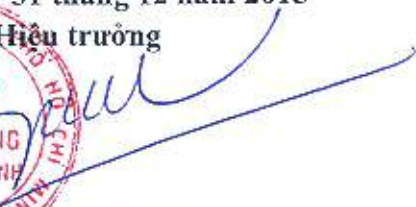
Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 7- TCĐH*Ban hành theo thông tư**số 39/2011/TT-BGDĐT ngày 15/9/2011 và**TT 41/TT-BGDĐT ngày 22/9/2011 của Bộ trưởng***THỐNG KÊ TÀI CHÍNH****Năm 2015****Đơn vị báo cáo:****Tr.CD Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP HCM****Đơn vị nhận báo cáo:****Bộ Giáo dục và Đào tạo,****Bộ chủ quản, Sở GDĐT***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Số TT	Các khoản thu - chi	Năm trước	Năm báo cáo
	A	1	2
1	Tổng thu	24.114	30.836
	Học phí	17.069	22.453
	Lệ phí		110
	Thu sự nghiệp	4.693	5.548
	Thu khác	2.352	2.725
2	Các khoản chi ngân sách nhà nước		
2.1	Chi đầu tư phát triển		
	Chi đầu tư XD CB tập trung		
	Chi đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ		
	Chi đầu tư từ nguồn các Dự án ODA		
	Chi đầu tư từ nguồn Xổ số kiến thiết		
	Chi đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW		
2.2	Chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	21.762	20.989
	Chi lương và các khoản có tính chất như lương	5.883	5.730
	Cho hoạt động giảng dạy đào tạo	15.879	15.259
2.3	Chi khác	960	606

Người lập biểu 
Nguyễn Kinh

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng 

* Phạm Hữu Lộc

Số: 1980 PL-LTT-ĐT

Phụ lục 1

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU

(Kèm theo Công văn số: 6706 /BGDĐT-KHTC ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1.1. Quy mô đào tạo đến ngày 31/12/2015 (người).

Phương thức đào tạo	Cao đẳng	Trung cấp CN
Chính quy	4062	641
a) Hệ chính quy	4062	641
b) Liên thông, Văn bằng 2		
Vừa làm vừa học		
a) Hệ VLVH (tại chức cũ)		
b) Liên thông, Văn bằng 2		

1.1b. Dự kiến tốt nghiệp trong năm 2016

Phương thức đào tạo	Cao đẳng	Liên thông, Văn bằng 2	Trung cấp CN
Chính quy	950		219

1.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đến ngày 31/12/2015 (người)

Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
		06	116	119

1.3. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2015

Hạng mục	Diện tích sàn xây dựng(m ²)
a) Hội trường, giảng đường, phòng học các loại	7661.7
b) Thư viện, trung tâm học liệu	608
c) Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập	8443

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Hữu Lộc

Số: 1980/PL-LTT-ĐT

Phụ lục 2

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2016

(Kèm theo Công văn số: 6706 /BGDDT-KHTC ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Người

Stt	Loại chỉ tiêu	Hình thức đào tạo		Ghi chú
		Chính quy	Vừa làm vừa học	
I	Cao đẳng	4000		
1	Đào tạo chính quy	3800	X	
	Trong đó: - Đào tạo sư phạm		X	
	- Đào tạo Y Dược		X	
2	Đào tạo liên thông	200		
3	Đào tạo văn bằng 2			
4	Hệ vừa làm vừa học (tại chức cũ)	X		
II	Trung cấp chuyên nghiệp	800		
	Trong đó: - Đào tạo sư phạm			
	- Đào tạo nhóm ngành sức khỏe			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc